

Khung chương trình đào tạo

- Khối lượng kiến thức toàn khóa gồm 142 tín chỉ (chưa tính học phần thuộc lĩnh vực giáo dục quốc và giáo dục thể chất theo quy định đối với giáo dục đào tạo trình độ đại học), trong đó có 134 tín chỉ bắt buộc và 8 tín chỉ tự chọn (trong 14 tín chỉ). Người học có thể chọn các học phần tự chọn theo khả năng và nguyện vọng để trang bị kiến thức cần thiết, phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo:

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CD
I	Kiến thức giáo dục đại cương *	33,5	29	4,5	0	0
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
1	Kiến thức cơ sở ngành	29,5	20	7,5	2	0
2	Kiến thức ngành và chuyên ngành	60	21,5	3	32,5	3
3	Kiến thức tự chọn	8	1	0	7	0
III	Tốt nghiệp	11	6	0	5	0
Tổng cộng		142	77,5 (54,6%)	15 (10,6%)	46,5 (32,7%)	3 (2,1%)

* Chưa tính khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CD
1	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	0	0
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	0	0
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	0
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	0
5	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	0	0	0

6	Ngoại ngữ (có NN chuyên ngành)	7	7	0	0	0
7	Tin học cơ bản	2	1	1	0	0
8	Giáo dục thể chất*	3*	0*	3*	0	0
9	Y học thể dục thể thao*	1*	1*	0*	0	0
10	Giáo dục Quốc phòng - An ninh*	8,5*	6*	2,5*	0	0
11	Nhà nước và pháp luật	2	2	0	0	0
12	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0	0	0
13	Hoá sinh	2	1	1	0	0
14	Y sinh học di truyền	1,5	1	0,5	0	0
15	Lý sinh y học	2	1,5	0,5	0	0
16	Nghiên cứu khoc học	2	1	1	0	0
17	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	1,5	0,5	0	0

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CĐ
I. Kiến thức cơ sở ngành						
18	Giải phẫu	3	2	1	0	0
19	Sinh lý học	3	2	1	0	0
20	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	1,5	0,5	0	0
21	Bệnh học di truyền	1,5	1	0,5	0	0
22	Dược lý	2	2	0	0	0
23	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	2	1	1	0	0
24	Triệu chứng học Nội khoa	2	1	0	1	0
25	Triệu chứng học Ngoại khoa	2	1	0	1	0
26	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	1	1	0	0
27	Tổ chức và quản lý y tế	2	1,5	0,5	0	0

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CD
28	Dịch tễ học	2	2	0	0	0
29	Quá trình phát triển con người	2	2	0	0	0
30	Giải phẫu chức năng	4	2	2	0	0
II. Kiến thức ngành và chuyên ngành						
31	Khoa học thần kinh	2	2	0	0	0
32	Vận động học và sinh cơ học	2	1	0	1	0
33	Nhập môn lâm sàng Phục hồi chức năng	1	0	0	1	0
34	Lượng giá chức năng	2	1	0	1	0
35	Vận động trị liệu	2	1	0	1	0
36	Các phương thức điều trị vật lý trị liệu	2	1	0	1	0
37	Các kỹ thuật tác động bằng tay	2	1	0	1	0
38	Chẩn đoán hình ảnh	1	0,5	0	0,5	0
39	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ cơ xương	2	1	0	1	0
40	Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ thần kinh cơ	2	1	0	1	0
41	Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ tim mạch - hô hấp	2	1	0	1	0
42	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ da, tiết niệu - sinh dục và nội tiết	2	1	0	1	0
43	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	0	0	1
44	Ngôn ngữ trị liệu	2	1	0	1	0
45	Hoạt động trị liệu	2	1	0	1	0
46	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN (chỉnh hình, chân tay giả, ...)	2	1	0	1	0

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CD
47	Thực tập lâm sàng 1: Các phương thức vật lý trị liệu, vận động trị liệu	4	0	0	4	0
48	Thực tập lâm sàng 2: Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu	4	0	0	4	0
49	Thực tập lâm sàng 3: Bệnh lý và VLTL hệ Cơ xương và hệ Tim mạch - hô hấp	4	0	0	4	0
50	Thực tập lâm sàng 4: Bệnh lý và LVTL Hệ Thần kinh – cơ và Hệ Da - Tiết niệu/tiêu hoá - Nội tiết - Sinh dục	4	0	0	4	0
51	Kỹ thuật tạo thuận cảm thụ bản thể thần kinh cơ (PNF)	2	1	0	1	0
52	Thực tập cộng đồng	2	0	0	0	2
53	Dinh dưỡng và khuyết tật	2	1	1	0	0
54	Y học cổ truyền	2	1	0	1	0
55	Sức khỏe tâm thần	2	1	0	1	0
56	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	4	2	2	0	0
III. Kiến thức tự chọn (<i>chọn 4 học phần</i>)						
57	Thực tập lâm sàng VLTL Nhi khoa	2	0	0	2	0
58	Thực tập lâm sàng VLTL Lão khoa	2	0	0	2	0
59	Thực tập lâm sàng VLTL Chấn thương chỉnh hình và chấn thương thể thao	2	0	0	2	0
60	Thực tập làm dụng cụ trợ giúp trong sinh hoạt hàng ngày	2	0	0	2	0
61	Thực tập Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	0	0	2	0
62	Kỹ thuật băng dán Kinesio Taping	2	1	0	1	0

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CĐ
63	Quản lý khoa/ phòng vật lý trị liệu/phục hồi chức năng	2	1	0	1	0

7.3. Tốt nghiệp

TT	Tên học phần/ module	Số tín chỉ				
		Tổng	LT	TH	LS	CĐ
64	Thực tế tốt nghiệp	5	0	0	5	0
65	Khóa luận tốt nghiệp / Chuyên đề lâm sàng	6	6	0	0	0

Tiến trình đào tạo

9.2.1. Kỳ 1 năm thứ nhất

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CĐ	
1	PHYL00	Triết học Mác - Lê nin	Marxist-Leninist philosophy	3	3	0	0	0	BM Lý luận chính trị
2	LANG01	Tiếng Anh 1	Foreign language I	3	3	0	0	0	BM Ngoại ngữ
3	INFO04	Tin học cơ bản	Basic Informatics	2	1	1	0	0	BM Toán - Tin
4	ANAT00	Giải phẫu	Anatomy	3	2	1	0	0	BM Giải phẫu
5	GENB01	Y sinh học di truyền	Biology	1,5	1	0,5	0	0	BM Y sinh học - Di truyền
6	BIOP00	Lý sinh y học	General Physics - Biophysics	2	1,5	0,5	0	0	BM Y vật lý

7	MILI00	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Military Education	8,5	6	2,5	0	0	BM Giáo dục Quốc phòng
Tổng số tín chỉ				23	17,5	5,5	0	0	/

9.2.2. Kỳ II năm thứ nhất

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	Political Economics	2	2	0	0	0	BM Lý luận chính trị
2	BIOC00	Hoá sinh	Biochemistry	2	1	1	0	0	BM Hoá sinh
3	PHYS00	Sinh lý học	Physiology	3	2	1	0	0	BM Sinh lý học
4	PSYE00	Tâm lý y học - Đạo đức y học	Medical Psychology - Ethics	2	1,5	0,5	0	0	BM Y đức và Tâm lý học
5	LANG02	Tiếng Anh 2	Foreign language II	2	2	0	0	0	BM Ngoại ngữ
6	NURA00	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	Basic Nursing and First Aid	2	1	1	0	0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh
7	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2	0	0	0	BM Lý luận chính trị
8	STAP01	Xác suất – Thống kê y học	Probability- Statistics	2	2	0	0	0	BM Toán - Tin

9	PHYE04	Giáo dục thể chất 1,2	Physical education I,II	2	0	2	0	0	BM Giáo dục Thể chất
Tổng số tín chỉ				19	13,5	5,5	0	0	/

9.2.3. Kỳ 1 năm thứ hai

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	HCFI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	0	0	BM Lý luận chính trị
2	GENB04	Bệnh học di truyền	Genetic Pathology	1,5	1	0,5	0	0	BM Y sinh học - Di truyền
3	HUMA00	Quá trình phát triển con người	Human development process	2	2	0	0	0	BM Phục hồi chức năng
4	LANG03	Tiếng Anh 3 (Tiếng Anh chuyên ngành)	Foreign language III	2	2	0	0	0	BM Ngoại ngữ
5	PATI00	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Pathophysiology - Immunology	2	1,5	0,5	0	0	BM Sinh lý bệnh - Miễn dịch
6	PHAR01	Dược lý	Pharmacology	2	2	0	0	0	BM Dược lý
7	ANAF00	Giải phẫu chức năng	Functional Anatomy	4	2	2	0	0	BM Giải phẫu
8	EPID00	Dịch tễ học	Epidemiology	2	2	0	0	0	BM Dịch tễ học

9	KINB00	Vận động học và sinh cơ học	Kinesiology & Biomechanics	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
10	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	Physical education III	1	0	1	0	0	BM Giáo dục Thể chất
11	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	History of VN Communist Party	2	2	0	0	0	BM Lý luận chính trị
Tổng số tín chỉ				22,5	17,5	4	1	0	/

9.2.4. Kỳ II năm thứ hai

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	RESE00	Nghiên cứu khoa học	Research Methods	2	1	1	0	0	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh
2	ASSE01	Lượng giá chức năng	Functional Assessment	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
3	SEMI00	Triệu chứng học Nội khoa	Semiology in internal medicine	2	1	0	1	0	BM Nội tổng hợp
4	SEMS00	Triệu chứng học Ngoại khoa	Semiology in surgical	2	1	0	1	0	BM Ngoại

5	INTR00	Nhập môn Lâm sàng Phục hồi chức năng	Introduction of Rehabilitation Clinical Practice	1	0	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
6	THER02	Các phương thức điều trị vật lý trị liệu	Physio therapy treatments	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
7	THER01	Các kỹ thuật tác động bằng tay	Manual Therapy	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
8	KINT00	Vận động trị liệu	Kinesiology Therapy	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
9	PRAC01	Thực tập lâm sàng 1: Các phương thức vật lý trị liệu, vận động trị liệu	Clinical practice 1: Clinical Physiotherapy - Clinical Kinesiology	4	0	0	4	0	BM Phục hồi chức năng
10	PHYE05	Y học thể dục thể thao	Sport & Physical Training	1	1	0	0	0	BM Giáo dục Thể chất
Tổng số tín chỉ				20	8	1	11	0	/

9.2.5. Kỳ I năm thứ ba

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	NEUR01	Khoa học thần kinh	Neuroscience	2	2	0	0	0	BM Thần kinh

2	THER03	Hoạt động trị liệu	Occupational Therapy	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
3	THER04	Ngôn ngữ trị liệu	Speech therapy	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
4	PHYP01	Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ thần kinh cơ	Pathology and physiotherapy of neuromuscular diseases	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
5	PHYP02	Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ tim mạch - hô hấp	Pathology and Physical Therapy in Cardiology & Respiratory	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
6	PRAC02	Thực tập lâm sàng 2: Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu	Clinical practice 2: Occupational Therapy - Speech Therapy	4	0	0	4	0	BM Phục hồi chức năng
7		Tự chọn 1 (02 môn)		4	0	0	4	0	BM Phục hồi chức năng
Tổng số tín chỉ				18	6	0	12	0	/

9.2.6. Kỳ II năm thứ ba

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	RADI00	Chẩn đoán hình ảnh	Radiology and imaging	1	0,5	0	0,5	0	BM Chẩn đoán hình ảnh

2	PHYP04	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ da, tiết niệu - sinh dục và nội tiết	Pathology and physiotherapy of the skin, urology – genitourinary, digestive and endocrine	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
3	PHYP03	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ cơ xương	Pathology and physiotherapy of the musculoskeletal system	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng
4	PRAC03	Thực tập lâm sàng 3: Bệnh lý và VLTL hệ Cơ xương và hệ Tim mạch - hô hấp	Clinical practice 3: Pathology and Myoskeletal Physical Therapy, Pathology and Physical Therapy in Cardiology & Respiratory	4	0	0	4	0	BM Phục hồi chức năng
5	LAWS00	Nhà nước và pháp luật	The State and Law	2	2	0	0	0	BM Y đức và Tâm lý học
6	ASSI01	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN (chỉnh hình, chân tay giả, ...)	Assistance tools in rehabilitation (orthopaedics, prosthetics ..)	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng

7		Tự chọn 2 (02 môn)		4	0	0	4	0	BM Phục hồi chức năng
8	HEDU00	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	Health Education	2	1	1	0	0	BM Giáo dục sức khỏe
Tổng số tín chỉ				19	6,5	1	11,5	0	/

9.2.7. Kỳ I năm thứ tư

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	ORGM00	Tổ chức và quản lý y tế	Health Management and Organization	2	1,5	0,5	0	0	BM Tổ chức và Quản lý y tế
2	REPH01	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Community Based Physical Rehabilitation	2	1	0	0	1	BM Phục hồi chức năng
3	PRAC04	Thực tập lâm sàng 4: Bệnh lý và LVTL Hệ Thần kinh – cơ và Hệ Da - Tiết niệu/tiêu hoá - Nội tiết - Sinh dục	Clinical practice 4: Pathology and Physical Therapy in Neuromuscular system and the skin, urology – genitourinary, digestive, endocrine systems	4	0	0	4	0	BM Phục hồi chức năng
4	NEUR02	Kỹ thuật tạo thuận cảm thụ	Neuromuscular ontological facilitation	2	1	0	1	0	BM Phục hồi chức năng

		bản thể thần kinh (PNF) cơ (PNF)	(PNF) technique						
5	COMM04	Thực tập cộng đồng	Community internship	2	0	0	0	2	BM Phục hồi chức năng
6	NUTD01	Dinh dưỡng và khuyết tật	Nutrition and disability	2	1	1	0	0	BM Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm
Tổng số tín chỉ				14	4,5	1,5	5	0	/

9.2.8. Kỳ II năm thứ tư

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Số tín chỉ					Đơn vị phụ trách
				Tổng	LT	TH	LS	CD	
1	TRAM00	Y học cổ truyền	Traditional medicine	2	1	0	1	0	Khoa Y học cổ truyền
2	MENT01	Sức khỏe tâm thần	Mental	2	1	0	1	0	BM Sức khỏe tâm thần
3	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	Pesonal and Professional Development	4	2	2	0	0	Trung tâm PTCT&T VNLYT
4	INTC00	Thực tế tốt nghiệp	Graduate Practice/Clinic	5	0	0	5	0	BM Phục hồi chức năng
5	GRAT00	Khóa luận tốt nghiệp / Chuyên đề lâm sàng	Graduate Theory/ Thesis	6	6	0	0	0	Phòng QLĐTĐH
Tổng số tín chỉ				19	10	2	7	0	/